

THẺ LỆ

Hội thi "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất" năm 2026
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng 9 năm 2026
của Ban Tổ chức Hội thi)

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, SỐ LƯỢNG THAM GIA

Điều 1. Đối tượng tham gia Hội thi

Đối tượng tham gia Hội thi: Là "Điểm đến du lịch nông thôn" được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn và đề cử.

"Điểm đến du lịch nông thôn" (sau đây gọi tắt là *Điểm đến*) được hiểu là địa điểm du lịch có không gian địa lý xác định (ưu tiên nằm trên một đơn vị hành chính cấp xã; trường hợp "Điểm đến" có tính liên kết liên xã thì được xem xét nếu có cơ chế quản lý, phối hợp và chịu trách nhiệm rõ ràng), có tên gọi cụ thể, có tài nguyên đặc trưng của khu vực nông thôn, có chủ thể quản lý hoặc cơ chế phối hợp quản lý, có sự tham gia của cộng đồng và có khả năng tổ chức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch theo hướng phát triển bền vững. "Điểm đến" có thể bao gồm một hoặc một số thôn, bản, ấp, làng, xóm, khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp, làng nghề hoặc cụm tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ có liên kết với nhau trong cùng một không gian du lịch, không bao gồm các "Điểm đến" là đơn vị hành chính từ cấp xã trở lên.

Điều 2. Điều kiện tham gia Hội thi

"Điểm đến" đăng ký tham gia Hội thi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có phạm vi không gian xác định (có ranh giới hoặc phạm vi hoạt động được xác định), có tên gọi cụ thể;
- Có chủ thể quản lý (chủ thể pháp lý) hoặc tổ chức/cơ chế quản lý điều phối, khai thác, tổ chức cung cấp các dịch vụ du lịch phục vụ khách du lịch;
- Có cung cấp sản phẩm dịch vụ phục vụ khách du lịch dựa trên khai thác ít nhất một hoặc kết hợp các giá trị đặc trưng của nông thôn, như: cảnh quan, nông nghiệp sinh thái, hoạt động sản xuất nông nghiệp, làng nghề, nghề truyền thống, văn hóa cộng đồng, kiến trúc và không gian làng quê, hệ sinh thái tự nhiên, tri thức bản địa, sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương hoặc các giá trị văn hóa – xã hội đặc trưng nông thôn;

4. Có hoạt động đón khách du lịch tối thiểu 03 năm liên tục tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;

5. Có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương trong hoạt động du lịch;

6. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, du lịch trong 12 tháng tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;

7. Đáp ứng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động du lịch và các hoạt động cung cấp dịch vụ tại “Điểm đến” và không thuộc diện đang bị đình chỉ hoạt động;

8. Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền đề cử tham gia Hội thi.

Điều 3. Số lượng hồ sơ tham gia Hội thi

1. Mỗi tỉnh, thành phố được đề cử tối đa 02 “Điểm đến” tham gia Hội thi.

2. Việc lựa chọn hồ sơ tham gia Hội thi, do UBND cấp tỉnh quyết định trên cơ sở đánh giá, lựa chọn công khai, khách quan và ưu tiên các “Điểm đến” có tính đại diện, đặc sắc, khả năng lan tỏa.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA HỘI THI

Điều 4. Hồ sơ tham gia Hội thi

1. Hồ sơ tham gia Hội thi, gồm:

a) Văn bản đề cử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

b) Phiếu đăng ký tham gia Hội thi của chủ thể quản lý, điều phối hoặc tổ chức/cơ quan đại diện “Điểm đến” (theo mẫu tại Phụ lục 1)¹.

c) Báo cáo thuyết minh về “Điểm đến” do chủ thể quản lý, điều phối hoặc tổ chức/cá nhân đại diện “Điểm đến” thực hiện.

d) 01 video giới thiệu “Điểm đến” có thời lượng từ 05 đến 07 phút để phục vụ công tác chấm điểm và bình chọn trên hệ thống của Ban Tổ chức (Dung lượng không quá 300 MB).

đ) Các hình ảnh và tài liệu minh chứng gắn với Bộ tiêu chí Hội thi (Tổng dung lượng không quá 200 MB).

2. Hình thức nộp hồ sơ tham gia Hội thi:

a) Văn bản đề cử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, gồm: 01 bản cứng hoặc gửi qua đường điện tử, gửi về

¹ Tổ chức đại diện do UBND cấp xã quyết định lựa chọn, gồm: Hiệp hội/Hội, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, doanh nghiệp. Trường hợp không có tổ chức đại diện, sẽ do UBND cấp xã đại diện cộng đồng đề đăng ký.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG).

b) Các tài liệu khác **phải được gửi trực tuyến** qua đường truyền điện tử cập nhật hồ sơ do Ban Tổ chức cung cấp (*bản giấy sẽ do tổ chức/cơ quan đại diện cộng đồng tham gia Hội thi lưu giữ để phục vụ đối chiếu khi cần thiết*).

Điều 5. Nội dung báo cáo thuyết minh

Báo cáo thuyết minh (theo mẫu tại Phụ lục 02), độ dài không quá 30 trang A4 (*không bao gồm phụ lục và các tài liệu minh chứng, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, dẫn cách dòng Multiple 1.0*), yêu cầu ngắn gọn, trung thực, có số liệu, hình ảnh và tài liệu minh chứng kèm theo để mô tả theo bộ tiêu chí của Hội thi.

III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ

Điều 6. Hình thức tổ chức Hội thi

Hội thi được tổ chức với 02 hạng mục giải thưởng:

1. Giải thưởng "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất" năm 2026

a) Các "Điểm đến" đăng ký tham gia Hội thi được Ban Giám khảo đánh giá, chấm điểm theo Bộ tiêu chí Hội thi, kèm theo tại Phụ lục 3.

b) Việc lựa chọn giải thưởng sẽ được Ban Tổ chức lựa chọn dựa trên kết quả đánh giá của Ban Giám khảo và bình chọn của cộng đồng, cụ thể:

- Điểm số đánh giá được Ban Giám khảo thực hiện thông qua hồ sơ dự thi và thẩm tra thực tế tại địa phương, chiếm 80/100 điểm.

- Điểm số do cộng đồng bình chọn, chiếm 20/100 điểm.

c) Căn cứ kết quả, Ban Tổ chức lựa chọn các "Điểm đến" để công nhận danh hiệu "**Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất - Viet Nam's Best Rural Tourism Destination**", với yêu cầu:

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện tham gia Hội thi.

- Tổng điểm đánh giá của Ban Giám khảo và bình chọn từ cộng đồng: Đạt từ 80 điểm trở lên.

2. Giải thưởng "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam được cộng đồng bình chọn"

a) Các "Điểm đến" đăng ký tham gia Hội thi được bình chọn trên nền tảng số do Ban Tổ chức công bố.

b) Căn cứ kết quả bình chọn hợp lệ trên hệ thống, Ban Tổ chức xem xét, trao giải thưởng "**Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam được cộng đồng bình chọn - Vietnam's People's Choice Rural Tourism Destination**".

c) Ban Tổ chức có trách nhiệm xây dựng và công bố Quy chế bình chọn; áp

dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch và ngăn chặn các hành vi gian lận trong quá trình bình chọn.

Điều 7. Công tác đánh giá, chấm điểm của Ban giám khảo

1. Tổ chức đánh giá vòng 01

a) Ban Giám khảo sẽ đánh giá, chấm điểm đối với hồ sơ dự thi đáp ứng quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Thể lệ Hội thi, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định của Thể lệ.

b) Mỗi thành viên Ban Giám khảo nghiên cứu hồ sơ và thực hiện chấm điểm độc lập đối với từng hồ sơ tham gia Hội thi theo Phiếu chấm điểm do Ban Tổ chức quy định.

c) Điểm chính thức là điểm trung bình cộng (xác định trung bình cộng tổng số điểm các thành viên). Căn cứ kết quả chấm điểm hồ sơ, Ban Giám khảo sẽ quyết định lựa chọn tối đa 30% số hồ sơ đạt điểm cao nhất để vào vòng 02 và tổ chức đánh giá thực tế tại địa phương.

2. Tổ chức đánh giá vòng 02

a) Nội dung đánh giá thực tế, gồm:

- Kiểm tra, đối chiếu tính chính xác của hồ sơ tham gia dự thi, các thông tin liên quan đến nội dung Bộ tiêu chí Hội thi;

- Trải nghiệm, đánh giá thực tế theo Bộ tiêu chí Hội thi.

b) Tổ chức đánh giá, chấm điểm:

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế, Ban Giám khảo sẽ làm việc tập thể để xem xét hồ sơ, trao đổi và thảo luận những nội dung hồ sơ, kết quả thực tế, chấm điểm theo quy định.

- Kết quả đánh giá của Ban Giám khảo được lập thành biên bản và trình Ban Tổ chức xem xét, quyết định.

Điều 8. Công tác tổ chức cho cộng đồng bình chọn

1. Đối tượng được đưa lên bình chọn: Các “Điểm đến” tham gia Hội thi đáp ứng quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Thể lệ Hội thi.

2. Nội dung được đưa lên bình chọn: Ban Tổ chức sẽ sử dụng video giới thiệu về “Điểm đến” được nộp trong hồ sơ dự thi để cộng đồng bình chọn.

3. Hình thức bình chọn

a) Ban Tổ chức đăng tải các video dự thi trên nền tảng số hoặc hệ thống bình chọn do Ban Tổ chức công bố.

b) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được tham gia bình chọn theo quy định của Ban Tổ chức.

c) Thời gian bình chọn được Ban Tổ chức thông báo công khai trên các

phương tiện thông tin đại chúng.

4. Nguyên tắc bình chọn

a) Việc bình chọn được thực hiện công khai, minh bạch và bảo đảm công bằng giữa các hồ sơ tham gia Hội thi.

b) Mỗi tài khoản, số điện thoại hoặc hình thức định danh hợp lệ chỉ được bình chọn theo quy định của hệ thống bình chọn.

c) Ban Tổ chức áp dụng các biện pháp kỹ thuật để kiểm soát, phát hiện và loại bỏ các trường hợp bình chọn không hợp lệ.

5. Kết quả bình chọn được xác định trên cơ sở tổng số lượt bình chọn hợp lệ ghi nhận trên hệ thống tại thời điểm kết thúc thời gian bình chọn.

6. Xử lý vi phạm

a) Nghiêm cấm các hành vi sử dụng phần mềm, công cụ kỹ thuật hoặc các hình thức khác nhằm làm sai lệch kết quả bình chọn.

b) Trường hợp phát hiện dấu hiệu gian lận, Ban Tổ chức có quyền rà soát, hủy các lượt bình chọn không hợp lệ hoặc loại hồ sơ khỏi danh sách xét giải thưởng bình chọn.

IV. GIẢI THƯỞNG VÀ HÌNH THỨC TÔN VINH

Điều 9. Giải thưởng do Ban Tổ chức công nhận

1. Giải thưởng "**Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất - Viet Nam's Best Rural Tourism Destination**"

a) Ban Tổ chức lựa chọn và trao giải cho 05 “Điểm đến” có điểm số cao nhất. Điểm số gồm: Điểm do Ban Giám khảo chấm (tối đa 80 điểm) + Điểm quy đổi do cộng đồng bình chọn (tối đa 20 điểm).

b) Phương pháp quy đổi điểm do cộng đồng bình chọn:

Điểm quy đổi do cộng đồng bình chọn = Tỷ lệ % bình chọn² x 20.

c) Trường hợp có cùng số điểm hơn 05 “Điểm đến” thì Ban Tổ chức quyết định lựa chọn “Điểm đến” có điểm đánh giá của Ban Giám khảo cao hơn.

2. Giải thưởng "**Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam được cộng đồng bình chọn - Vietnam's People's Choice Rural Tourism Destination**"

a) Ban Tổ chức lựa chọn và trao giải cho 03 “Điểm đến” có tỷ lệ bình chọn lớn nhất.

b) Trường hợp có từ hai “Điểm đến” trở lên có tỷ lệ bình chọn hợp lệ bằng nhau, Ban Tổ chức xem xét kết quả đánh giá của Ban Giám khảo để quyết định lựa chọn.

² Tỷ lệ bình chọn của từng “Điểm đến” được tính trên cơ sở tỷ lệ số lượt bình chọn hợp lệ của “Điểm đến” đó so với tổng số lượt bình chọn hợp lệ của tất cả “Điểm đến” tham gia

c) Quyết định của Ban Tổ chức về kết quả bình chọn là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Giải thưởng

“Điểm đến du lịch nông thôn” được trao giải thưởng sẽ được nhận:

1. Giấy chứng nhận của Ban Tổ chức.

2. Biểu trưng Hội thi.

3. Giải thưởng bằng tiền mặt theo quy định, gồm:

a) Giải thưởng "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất": 20 triệu đồng/giải.

b) Giải thưởng "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam được cộng đồng bình chọn": 10 triệu đồng/giải.

4. Quyền được sử dụng giải thưởng trong các hoạt động quảng bá, giới thiệu về “Điểm đến du lịch nông thôn”; được quảng bá, giới thiệu trên hệ thống truyền thông của Ban Tổ chức; được ưu tiên tham gia các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch do các cơ quan quản lý nhà nước tổ chức.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Thời gian thực hiện

1. Thời gian kết thúc nhận hồ sơ tham gia Hội thi: Trước ngày 15/10/2026.

2. Thời gian Ban Giám khảo kết thúc vòng 01: Ngày 25/10/2026.

3. Thời gian Ban Giám khảo kết thúc vòng 02: Ngày 30/11/2026.

4. Thời gian dự kiến tổ chức cộng đồng bình chọn: Từ 01/11 - 20/11/2026.

5. Thời gian dự kiến công bố kết quả: Đầu tháng 12/2026.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị tham gia Hội thi

1. Hoàn thiện và gửi hồ sơ tham gia Hội thi đầy đủ, đúng thời gian và đúng quy định của Thể lệ Hội thi.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ban Tổ chức Hội thi về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, hình ảnh, video và tài liệu minh chứng trong hồ sơ dự thi.

3. Phối hợp với Ban Tổ chức, Ban Giám khảo và các đơn vị liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ, thẩm định thực tế và tổ chức bình chọn.

4. Tạo điều kiện thuận lợi để đoàn công tác của Ban Tổ chức, Ban Giám khảo thực hiện việc khảo sát, kiểm tra, xác minh các nội dung liên quan đến hồ sơ dự thi tại địa phương.

5. Thực hiện các yêu cầu của Ban Tổ chức về cung cấp thông tin, tài liệu, hình ảnh phục vụ công tác đánh giá, truyền thông, quảng bá và tôn vinh các “Điểm đến” tham gia Hội thi.

6. Chấp hành các quy định của Thể lệ Hội thi và các quyết định của Ban Tổ chức trong quá trình tổ chức Hội thi.

Điều 13. Quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia Hội thi có quyền khiếu nại, kiến nghị về kết quả đánh giá, bình chọn hoặc các nội dung liên quan đến quá trình tổ chức Hội thi.

2. Việc khiếu nại, kiến nghị phải được lập thành văn bản và gửi đến Ban Tổ chức trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả Hội thi hoặc kể từ ngày phát sinh vụ việc.

3. Ban Tổ chức có trách nhiệm xem xét, xác minh và giải quyết các khiếu nại, kiến nghị theo quy định của Thể lệ Hội thi và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại, Ban Tổ chức có quyền yêu cầu các tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và giải trình các nội dung có liên quan.

5. Không xem xét giải quyết đối với các trường hợp khiếu nại, kiến nghị nặc danh, không rõ nội dung hoặc đã hết thời hạn khiếu nại và kiến nghị theo quy định.

6. Kết luận của Ban Tổ chức là căn cứ cuối cùng để xem xét, xử lý các nội dung liên quan đến Hội thi.

Điều 14. Thu hồi giải thưởng

1. Ban Tổ chức xem xét, quyết định thu hồi giải thưởng đối với các trường hợp sau:

a) Hồ sơ tham gia Hội thi có thông tin, số liệu hoặc tài liệu minh chứng không trung thực, làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá, xét chọn.

b) Có hành vi gian lận trong quá trình tham gia Hội thi hoặc trong quá trình tổ chức bình chọn.

c) Vi phạm các quy định của pháp luật về du lịch, văn hóa, môi trường, an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Có hành vi làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Hội thi, hình ảnh du lịch địa phương hoặc hình ảnh du lịch Việt Nam.

đ) Có văn bản kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền về các hành vi vi phạm liên quan đến hồ sơ, kết quả xét chọn hoặc hoạt động của đơn vị được trao giải thưởng.

2. Trường hợp bị thu hồi giải thưởng, đơn vị được trao giải có trách nhiệm:

a) Chấm dứt việc sử dụng giải thưởng, Giấy chứng nhận, biểu trưng và các hình thức tôn vinh của Hội thi;

b) Hoàn trả Giấy chứng nhận, biểu trưng theo yêu cầu của Ban Tổ chức;

c) Gỡ bỏ hoặc điều chỉnh các nội dung quảng bá, giới thiệu có sử dụng danh hiệu đã bị thu hồi.

3. Quyết định thu hồi giải thưởng được Ban Tổ chức công bố công khai trên các phương tiện thông tin của Hội thi.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và lựa chọn các “Điểm đến” đủ điều kiện tham gia Hội thi theo quy định của Thể lệ.

b) Tổ chức rà soát, đánh giá, lựa chọn và đề cử các hồ sơ tham gia Hội thi bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện và số lượng theo quy định.

c) Kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu và tài liệu trong hồ sơ đề cử tham gia Hội thi.

d) Phối hợp với Ban Tổ chức, Ban Giám khảo và các đơn vị liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ, thẩm định thực tế và tổ chức các hoạt động của Hội thi tại địa phương.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Hội thi và các đơn vị liên quan

a) Ban Tổ chức Hội thi có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện Hội thi theo quy định của Thể lệ này.

b) Các cơ quan, đơn vị liên quan và các tổ chức, cộng đồng tham gia Hội thi có trách nhiệm phối hợp triển khai, thực hiện các nội dung của Thể lệ và các hướng dẫn của Ban Tổ chức.

c) Trong quá trình tổ chức Hội thi, Ban Tổ chức được xem xét, quyết định các nội dung phát sinh nhằm bảo đảm việc tổ chức Hội thi khách quan, công bằng, minh bạch và phù hợp với thực tế.

d) Những nội dung chưa được quy định trong Thể lệ này hoặc các trường hợp đặc biệt phát sinh trong quá trình tổ chức Hội thi, sẽ do Ban Tổ chức xem xét, quyết định./.

Phụ lục 1**MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA HỘI THI**

(Kèm theo Thẻ lệ Hội thi "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất"
năm 2026)

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA

Hội thi "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất" năm 2026

Kính gửi: Ban Tổ chức Hội thi "Điểm đến du lịch nông thôn
Việt Nam tốt nhất" năm 2026

(Cơ quan đăng ký)..... đăng ký tham gia Hội thi "Điểm đến du lịch
nông thôn Việt Nam tốt nhất", với các thông tin như sau:

I. Thông tin chung

1. Tên Điểm đến:
2. Địa chỉ:
3. Chủ thể quản lý.....
4. Tổ chức/cơ quan đại diện Điểm đến:
.....
5. Loại hình du lịch chủ đạo:
☐ Du lịch nông nghiệp
☐ Du lịch làng nghề
☐ Du lịch văn hóa
☐ Loại hình khác:
5. Đầu mối liên hệ:
 Họ và tên:
 Chức vụ:
 Điện thoại:Email:

II. Hồ sơ gửi kèm

- ☐ Báo cáo thuyết minh
- ☐ Video giới thiệu Điểm đến
- ☐ Tài liệu minh chứng theo Bộ tiêu chí Hội thi.
- ☐ Các tài liệu khác (nếu có)

III. Cam kết

Chúng tôi cam kết các thông tin, số liệu và tài liệu trong hồ sơ tham gia Hội thi là đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai. Đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ Thể lệ của Hội thi.

Cam kết đồng hành cùng Ban Tổ chức Hội thi xây dựng và tham gia mạng lưới “Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất”.

Đề nghị Ban Tổ chức xem xét, tiếp nhận hồ sơ tham gia Hội thi theo quy định.

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký tên và đóng dấu)

MẪU BÁO CÁO THUYẾT MINH

*(Kèm theo Thẻ lệ Hội thi "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất"
năm 2026)*

BÁO CÁO THUYẾT MINH**ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH****I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên Điểm đến:

2. Địa chỉ:

3. Diện tích/phạm vi điểm đến/ranh giới Điểm đến:

4. Chủ thể quản lý/tổ chức/cơ quan đại diện Điểm đến:

5. Loại hình du lịch chủ đạo:

6. Thời gian bắt đầu hoạt động du lịch:

7. Quy mô cộng đồng:

a) Số hộ dân của cộng đồng:

b) Số hộ dân tham gia hoạt động du lịch:

c) Số lao động tham gia hoạt động du lịch:

7. Giới thiệu khái quát về Điểm đến (*Mô tả ngắn gọn quá trình hình thành, phát triển và những nét đặc trưng nổi bật của Điểm đến*)

.....

.....

.....

II. NỘI DUNG THUYẾT MINH

Mô tả, thuyết minh về Điểm đến theo các nội dung của Bộ tiêu chí đánh giá, gồm:

1. Sản phẩm du lịch nông thôn đặc sắc;

2. Sự tham gia của cộng đồng;

3. Phát triển bền vững và quản lý rủi ro;

4. Xúc tiến du lịch, tiếp cận thị trường và chuyển đổi số;

5. Đổi mới sáng tạo và khả năng lan tỏa.

(Yêu cầu mỗi mục trên mô tả ngắn gọn, đi trực tiếp vào nội dung của Bộ tiêu chí đánh giá).

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

1. Kết quả trong 03 năm gần nhất

Thể hiện kết quả của 03 năm gần nhất về các chỉ tiêu: Lượt khách du lịch; lượt khách du lịch quốc tế; doanh thu du lịch (triệu đồng); số hộ tham gia cung cấp dịch vụ du lịch; số lượng lao động tham gia du lịch,...

2. Hiệu quả kinh tế - xã hội

Thể hiện kết quả về: Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường, những kết quả nổi bật khác

Mẫu biểu báo cáo về kết quả về hoạt động du lịch

Chỉ tiêu	Năm		
	2024	2025	9/2026
Tổng lượt khách (người)			
Khách quốc tế (người)			
Doanh thu (triệu đồng)			
Số hộ tham gia			
Số lao động (người)			
Thu nhập bình quân lao động/tháng			

IV. CÂU CHUYỆN ĐIỂM ĐẾN

Trình bày câu chuyện về Điểm đến: lịch sử hình thành, bản sắc văn hóa, cộng đồng dân cư, các giá trị đặc trưng và khát vọng phát triển của điểm đến du lịch (không quá 1.000 từ).

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Nêu mục tiêu, định hướng và các giải pháp phát triển Điểm đến trong giai đoạn tới theo hướng bền vững, xanh, giàu bản sắc và lấy cộng đồng làm trung tâm.

....., ngày tháng năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CƠ QUAN
QUẢN LÝ/ CỘNG ĐỒNG**

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM****Hội thi "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất" năm 2026**

(Kèm theo Thẻ lệ Hội thi "Điểm đến du lịch nông thôn Việt Nam tốt nhất" năm 2026)

TT	Nhóm tiêu chí	Điểm
I	Sản phẩm du lịch nông thôn đặc sắc	30
1	Giá trị tài nguyên, bảo tồn và phát huy bản sắc nông thôn	10
1.1	Giá trị tài nguyên du lịch <i>(Gồm: tài nguyên du lịch và các giá trị của tài nguyên du lịch, gồm: tài nguyên tự nhiên, nông nghiệp, làng nghề, văn hóa, sinh thái, tri thức bản địa...)</i>	5
1.2	Bảo tồn và phát huy bản sắc địa phương <i>(Gồm: khả năng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, bản sắc, phong tục tốt đẹp của địa phương của Điểm đến; tính đặc trưng, đặc thù và khác biệt của Điểm đến; mức độ khai thác các sản phẩm đặc sản, OCOP,... của địa phương làm quà tặng du lịch,...)</i>	5
2	Sản phẩm du lịch đặc trưng nông thôn	20
2.1	Cung cấp sản phẩm du lịch nông thôn đặc trưng <i>(Gồm: có sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên khai thác tài nguyên đặc trưng của Điểm đến; sản phẩm du lịch, hoạt động trải nghiệm có tính khác biệt, có câu chuyện sản phẩm; đáp ứng điều kiện tiếp cận Điểm đến về hạ tầng giao thông, cơ sở dịch vụ du lịch (phù hợp với quy mô, tính chất và điều kiện thực tế của Điểm đến))</i>	8
2.2	Chất lượng sản phẩm du lịch và khả năng kéo dài thời gian lưu trú <i>(Gồm: sự độc đáo, tính bản địa, sự đa dạng trong cung ứng dịch vụ trải nghiệm, khả năng kết hợp nhiều dịch vụ; khả năng kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch; khả năng tổ chức, hình thức tổ chức, kết nối, cung ứng sản phẩm du lịch của Điểm đến; khả năng kết nối Điểm đến khác.)</i>	12
II	Sự tham gia của cộng đồng	15
1	Cộng đồng tham gia vào hoạt động cung ứng du lịch <i>(Gồm: có hộ dân tham gia cung cấp dịch vụ du lịch, dịch vụ hỗ trợ, tạo việc làm, thu nhập cho người dân địa phương)</i>	5
2	Cộng đồng tham gia quản lý, vận hành cung cấp dịch vụ du lịch <i>(Gồm: chủ thể quản lý trực tiếp cung ứng dịch vụ du lịch là cộng đồng; có tổ chức, quản trị Điểm đến, các cơ chế/quy chế hoạt động và định hướng phát triển cụ thể; tính minh bạch trong cơ chế phân chia lợi ích từ hoạt động du lịch cho cộng đồng,...)</i>	5
3	Sự liên kết giữa doanh nghiệp và cộng đồng trong cung ứng dịch vụ du lịch <i>(Gồm: mức độ liên kết với các Điểm đến khác, các tổ chức kinh tế tại địa phương để hình thành các tour, tuyến về du lịch...)</i>	5

III	Phát triển bền vững và quản trị rủi ro	15
1	Quản trị chất lượng Điểm đến (Gồm: có mô hình/hoạt động tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm dịch vụ; có giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá bản địa; có phương án/quy chế thực hiện bảo vệ môi trường du lịch (thu gom, xử lý rác thải; cảnh quan xanh, sạch, đẹp; bảo vệ nguồn nước và tài nguyên thiên nhiên; có biện pháp giảm rác thải nhựa; có mô hình du lịch xanh hoặc kinh tế tuần hoàn,...)).	5
2	Đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội và cộng đồng (Gồm: tỷ lệ doanh thu thuộc về cộng đồng, số hộ có thu nhập từ du lịch; việc làm cho phụ nữ, thanh niên; tỷ lệ người dân địa phương tham gia; cơ chế phân chia lợi ích; đóng góp trở lại cho bảo tồn văn hóa/bảo vệ môi trường)	5
3	Đảm bảo an toàn và khả năng ứng phó rủi ro (Gồm: công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, ứng phó thiên tai, dịch bệnh; lực lượng hoặc cơ chế hỗ trợ du khách ứng phó rủi ro...)	5
IV	Xúc tiến du lịch, tiếp cận thị trường và chuyển đổi số	15
1	Xúc tiến du lịch và xây dựng thương hiệu (Gồm: có các hoạt động truyền thông (website, fanpage...); tiếp nhận và xử lý phản hồi khách hàng, có xây dựng thương hiệu Điểm đến, sản phẩm du lịch)	4
2	Khả năng tiếp cận thị trường (Gồm: có thị trường mục tiêu; có khả năng tiếp cận thị trường khách quốc tế; có tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến du lịch, chào bán, giới thiệu các dịch vụ; có kết nối doanh nghiệp lữ hành, khả năng bán sản phẩm trực tuyến...)	6
3	Chuyển đổi số (Gồm: có mã QR, bản đồ số hoặc thông tin số hóa; có ứng dụng thanh toán điện tử, đặt dịch vụ trực tuyến; có internet, wifi; có tiếp nhận đánh giá, phản hồi của khách du lịch trên nền tảng số)	5
V	Đổi mới sáng tạo và khả năng lan tỏa (Gồm một hoặc một số các hình thức sau: cách làm mới, sản phẩm mới, mô hình quản trị mới, giải pháp xanh, cách kể chuyện mới, ứng dụng công nghệ; có khả năng nhân rộng.	5
TỔNG SỐ ĐIỂM TỐI ĐA		80